

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực hộ tịch, chứng thực và quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực chứng thực thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính; Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 33/2018/QĐ-UBND ngày 18/10/2018 của UBND tỉnh ban hành Quy chế về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 39/2020/QĐ-UBND ngày 29/12/2020 của UBND tỉnh ban hành Quy chế hoạt động của Cổng dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử tỉnh Quảng Ngãi;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 47/TTr-STP ngày 10/9/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố Danh mục thủ tục hành chính (TTHC) trong lĩnh vực hộ tịch, chứng thực và quy trình nội bộ giải quyết TTHC trong lĩnh vực chứng thực thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

1. Danh mục TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi tại Phụ lục I.

2. Quy trình nội bộ giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi tại Phụ lục II.

Điều 2. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị

1. Sở Tư pháp chịu trách nhiệm gửi nội dung cụ thể TTHC được công bố đến Sở Thông tin và Truyền thông để thiết lập lên phần mềm Cổng dịch vụ công - Hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh và gửi Văn phòng UBND tỉnh để theo dõi, kiểm soát nội dung thực hiện và đăng tải công khai trên Cổng thông tin điện tử tỉnh.

2. Văn phòng UBND tỉnh thực hiện đăng nhập các TTHC được công bố tại Quyết định này vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC theo quy định.

3. Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp và cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định này xây dựng quy trình điện tử nội bộ giải quyết TTHC để thiết lập lên phần mềm Hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh theo quy định.

4. UBND cấp xã

a) Thực hiện niêm yết công khai kịp thời, đầy đủ Danh mục, nội dung cụ thể TTHC và tiếp nhận, giải quyết TTHC theo quy định của pháp luật và nội dung công bố tại Quyết định này.

b) Căn cứ quy trình nội bộ giải quyết TTHC được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này để tổ chức kiểm soát việc chấp hành trình tự, nội dung, trách nhiệm, thời gian, kết quả giải quyết TTHC của cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Danh mục TTHC trong lĩnh vực hộ tịch và lĩnh vực chứng thực đã được Chủ tịch UBND tỉnh công bố tại Quyết định số 2552/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 về việc công bố danh mục TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi và Quyết định số 2040/QĐ-UBND ngày 26/11/2018 về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và không tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết tại Bộ phận Một cửa của UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Quy trình nội bộ giải quyết TTHC trong lĩnh vực hộ tịch được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1744/QĐ-UBND ngày 08/11/2020 giữ nguyên hiệu lực thi hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tư pháp, Thông tin và Truyền thông; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch

UBND các xã, phường, thị trấn và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Tư pháp (b/cáo);
- Cục Kiểm soát TTHC (VPCP);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VNPT Quảng Ngãi;
- VPUB: PCVP, CBTH;
- Lưu: VT, TTHC(Thu).



CHỦ TỊCH

Đặng Văn Minh

Phụ lục I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC HỘ TỊCH, CHỨNG THỰC
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NGÃI
(Kèm theo Quyết định số 1378/QĐ-UBND ngày 25/11/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)



TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
I	LĨNH VỰC HỘ TỊCH				
01	Cấp bản sao trích lục hộ tịch	<p>Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.</p>	Bộ phận Một cửa cấp xã	8.000 đồng/bản sao Trích lục/sự kiện hộ tịch đã đăng ký	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hộ tịch năm 2014. - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch. - Thông tư số 04/2020/TT-BTP của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch. - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
02	Đăng ký khai sinh	<p>Ngay trong ngày tiếp nhận yêu cầu, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.</p>	<p>- Ủy ban nhân dân cấp xã (Bộ phận Một cửa cấp xã) nơi cư trú của người cha hoặc người mẹ thực hiện đăng ký khai sinh cho trẻ em;</p> <p>- Ủy ban nhân dân cấp xã (Bộ phận Một cửa cấp xã) nơi lập biên bản về việc trẻ bị bỏ rơi đối với trường hợp đăng ký khai sinh cho trẻ bị bỏ rơi.</p>	<p>- Đối với trường hợp đăng ký khai sinh không đúng hạn: 8.000 đồng/trường hợp.</p> <p>- Miễn lệ phí đối với trường hợp khai sinh đúng hạn, người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. Đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn.</p>	<p>- Luật Hộ tịch năm 2014.</p> <p>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ.</p> <p>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.</p> <p>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.</p> <p>- Nghị quyết số 02/2021/NQ-HĐND ngày 12/3/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.</p>
03	Đăng ký kết hôn	<p>Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp</p>	<p>Ủy ban nhân dân cấp xã (Bộ phận Một cửa cấp xã) nơi cư trú của bên nam hoặc bên nữ.</p>	<p>Miễn phí</p>	<p>- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.</p> <p>- Luật Hộ tịch năm 2014.</p> <p>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ.</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		cần xác minh điều kiện kết hôn của hai bên nam, nữ thì thời hạn giải quyết không quá 05 ngày làm việc.			<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Nghị quyết số 02/2021/NQ-HĐND ngày 12/3/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.
04	Đăng ký nhận cha, mẹ, con	03 ngày làm việc ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp cần phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 08 ngày làm việc.	Ủy ban nhân dân cấp xã (Bộ phận Một cửa cấp xã) nơi cư trú của người nhận hoặc người được nhận là cha, mẹ, con.	<ul style="list-style-type: none"> - 15.000 đồng/trường hợp. - Miễn lệ phí cho người cao tuổi, trẻ em; người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. Đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. - Luật Hộ tịch năm 2014. - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ. - Thông tư 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Nghị quyết số 02/2021/NQ-

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					HĐND ngày 12/3/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.
05	Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con	03 ngày làm việc ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 08 ngày làm việc.	Ủy ban nhân dân cấp xã (Bộ phận Một cửa cấp xã) nơi cư trú của người cha hoặc người mẹ thực hiện đăng ký khai sinh kết hợp nhận cha, mẹ, con.	<ul style="list-style-type: none"> - Đăng ký khai sinh quá hạn: 8.000 đồng / trường hợp - Đăng ký nhận cha mẹ con: 15.000 đồng / trường hợp - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký khai sinh đúng hạn; người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. Đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. - Luật Hộ tịch năm 2014. - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ. - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Nghị quyết số 02/2021/NQ-HĐND ngày 12/3/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.
06	Đăng ký khai tử	Ngay trong ngày tiếp nhận yêu cầu, trường	- Ủy ban nhân dân cấp xã (Bộ phận	- Đăng ký khai tử không đúng hạn:	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hộ tịch năm 2014. - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		<p>hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.</p>	<p>Một cửa cấp xã) nơi cư trú cuối cùng của người chết thực hiện việc đăng ký khai tử.</p> <p>- Ủy ban nhân dân cấp xã (Bộ phận Một cửa cấp xã) nơi người đó chết hoặc nơi phát hiện thi thể người chết thực hiện việc đăng ký khai tử trong trường hợp không xác định được nơi cư trú cuối cùng của người chết.</p>	<p>8.000 đồng / trường hợp</p> <p>- Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký khai tử đúng hạn, người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. Đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.</p>	<p>ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch.</p> <p>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.</p> <p>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.</p> <p>- Nghị quyết số 02/2021/NQ-HĐND ngày 12/3/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.</p>
07	<p>Đăng ký khai sinh lưu động</p>	<p>05 ngày làm việc ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ</p>	<p>Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú của người cha hoặc người mẹ thực hiện đăng ký lưu động tại nhà riêng hoặc tại địa điểm tổ chức</p>	<p>- Đối với trường hợp đăng ký khai sinh không đúng hạn: 8.000 đồng/trường hợp.</p> <p>- Miễn phí đối với trường hợp khai sinh</p>	<p>- Luật Hộ tịch năm 2014.</p> <p>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ.</p> <p>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.</p> <p>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			đăng ký lưu động, bảo đảm thuận lợi cho người dân.	đúng hạn; Người cao tuổi, trẻ em; Người thuộc gia đình có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo, người khuyết tật. Đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.	ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Nghị quyết số 02/2021/NQ-HĐND ngày 12/3/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.
08	Đăng ký kết hôn lưu động	05 ngày làm việc ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú của hai bên nam/nữ thực hiện đăng ký lưu động tại nhà riêng hoặc tại địa điểm tổ chức đăng ký lưu động, bảo đảm thuận lợi cho người dân.	Miễn lệ phí.	- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. - Luật Hộ tịch năm 2014. - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ. - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Nghị quyết số 02/2021/NQ-HĐND ngày 12/3/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					Quảng Ngãi.
09	Đăng ký khai tử lưu động	05 ngày làm việc ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	<ul style="list-style-type: none"> - Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú cuối cùng của người chết. - Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó chết hoặc nơi phát hiện thi thể người chết thực hiện việc đăng ký khai tử trong trường hợp không xác định được nơi cư trú cuối cùng của người chết Thực hiện đăng ký lưu động tại nhà riêng hoặc tại địa điểm tổ chức đăng ký lưu động, bảo đảm thuận lợi cho người dân.	<ul style="list-style-type: none"> - Đối với trường hợp đăng ký khai tử không đúng hạn: 8.000 đồng/trường hợp. - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký khai tử đúng hạn; đăng ký cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. Đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ. - Thông tư 04/2020/TT-BTP của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Nghị quyết số 02/2021/NQ-HĐND ngày 12/3/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
10	Đăng ký giám hộ	03 ngày làm việc ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Ủy ban nhân dân cấp xã (Bộ phận Một cửa cấp xã) nơi cư trú của người được giám hộ hoặc người giám hộ.	Miễn lệ phí.	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ luật Dân sự năm 2015. - Luật Hộ tịch năm 2014. - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ. - Thông tư 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Nghị quyết số 02/2021/NQ-HĐND ngày 12/3/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.
11	Đăng ký chấm dứt giám hộ	02 ngày làm việc ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Ủy ban nhân dân cấp xã (Bộ phận Một cửa cấp xã) nơi đã đăng ký giám hộ trước đây.	Miễn lệ phí.	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ luật Dân sự năm 2015. - Luật Hộ tịch năm 2014. - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ. - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. - Thông tư số 85/2019/TT-BTC

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					<p>ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.</p> <p>- Nghị quyết số 02/2021/NQ-HĐND ngày 12/3/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.</p>
12	Thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch	<p>- 03 ngày làm việc đối với yêu cầu thay đổi, cải chính hộ tịch; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 06 ngày làm việc.</p> <p>- Ngay trong ngày làm việc đối với yêu cầu bổ sung thông tin hộ tịch, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.</p>	<p>- Ủy ban nhân dân cấp xã (Bộ phận Một cửa cấp xã) nơi đã đăng ký hộ tịch trước đây hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú của người có yêu cầu có thẩm quyền giải quyết việc thay đổi, cải chính cho người chưa đủ 14 tuổi, bổ sung hộ tịch cho công dân Việt Nam cư trú ở trong nước.</p> <p>- Ủy ban nhân dân cấp xã (Bộ phận</p>	<p>- Đối với trường hợp bổ sung hộ tịch: 15.000 đồng/trường hợp</p> <p>- Các trường hợp được miễn lệ phí: + Trẻ em, người cao tuổi. + Người có công với cách mạng, người thuộc gia đình có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo, người khuyết tật. + Đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.</p>	<p>- Bộ luật Dân sự năm 2015; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ. - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.</p> <p>- Nghị quyết số 02/2021/NQ-HĐND ngày 12/3/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			<p>Một cửa cấp xã) nơi đã đăng ký khai tử trước đây thực hiện việc cải chính nội dung đăng ký khai tử.</p>		
13	Cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	<p>03 ngày làm việc ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 23 ngày.</p>	<p>- Bộ phận Một cửa của UBND cấp xã nơi người yêu cầu cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân thường trú. Trường hợp người yêu cầu cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân không có nơi thường trú nhưng có đăng ký tạm trú theo quy định của pháp luật về cư trú thì Ủy ban nhân dân cấp xã nơi tạm trú thực hiện việc cấp Giấy xác</p>	<p>- 15.000 đồng/trường hợp - Miễn phí đối với người có công với cách mạng, người thuộc gia đình có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo, người khuyết tật. Đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.</p>	<p>- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. - Luật Hộ tịch năm 2014. - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ. - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Nghị quyết số 02/2021/NQ-HĐND ngày 12/3/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			nhận tình trạng hôn nhân.		
14	Đăng ký lại khai sinh	05 ngày làm việc ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày	Ủy ban nhân dân cấp xã (Bộ phận Một cửa của UBND cấp xã) nơi đã đăng ký khai sinh trước đây hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người yêu cầu đăng ký lại khai sinh thường trú.	<ul style="list-style-type: none"> - 8.000 đồng/trường hợp. - Miễn lệ phí đối với trẻ em, người cao tuổi. Người có công với cách mạng, người thuộc gia đình có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo, người khuyết tật. Đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ. - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Nghị quyết số 02/2021/NQ-HĐND ngày 12/3/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.
15	Đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày.	Ủy ban nhân dân cấp xã (Bộ phận Một cửa cấp xã) nơi người yêu cầu cư trú.	<ul style="list-style-type: none"> - 8.000 đồng/trường hợp. - Miễn lệ phí đối với người cao tuổi, người có công với cách mạng, người thuộc gia đình có công với cách 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hộ tịch năm 2014. - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ. - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. - Thông tư số 85/2019/TT-BTC

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
				<p>mạng, người thuộc hộ nghèo, người khuyết tật. Đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.</p>	<p>ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.</p> <p>- Nghị quyết số 02/2021/NQ-HĐND ngày 12/3/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.</p>
16	Đăng ký lại kết hôn	<p>- Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ;</p> <p>- Trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày.</p>	<p>Ủy ban nhân dân cấp xã (Bộ phận Một cửa cấp xã) nơi đã đăng ký kết hôn trước đây hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người yêu cầu thường trú.</p>	<p>- 30.000 đồng/ trường hợp.</p> <p>- Miễn lệ phí đối với người cao tuổi; người có công với cách mạng, người thuộc gia đình có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo, người khuyết tật. Đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.</p>	<p>- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;</p> <p>- Luật Hộ tịch năm 2014;</p> <p>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ.</p> <p>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.</p> <p>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.</p> <p>- Nghị quyết số 02/2021/NQ-HĐND ngày 12/3/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					Quảng Ngãi.
17	Đăng ký lại khai tử	<ul style="list-style-type: none"> - 05 ngày làm việc ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp cần xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 10 ngày làm việc. 	Ủy ban nhân dân cấp xã (Bộ phận Một cửa cấp xã) nơi đã đăng ký khai tử trước đây.	<ul style="list-style-type: none"> - 8.000 đồng/ trường hợp. - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. Đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hộ tịch năm 2014. - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ. - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Nghị quyết số 02/2021/NQ-HĐND ngày 12/3/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.
II	LĨNH VỰC CHỨNG THỰC				
01	Thủ tục chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền	Không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu	UBND cấp xã (Bộ phận Một cửa cấp xã)	50.000 đồng/trường hợp	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính,

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	sử dụng đất, nhà ở	câu chứng thực hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. Trường hợp kéo dài thời hạn giải quyết thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.			<p>chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch.</p> <p>- Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch.</p> <p>- Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực.</p>
02	Thủ tục chứng thực di chúc				
03	Thủ tục chứng thực văn bản từ chối nhận di sản				
04	Thủ tục chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở				
05	Thủ tục chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở				
06	Thủ tục chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận	Trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ. Đối với trường hợp cùng một lúc yêu cầu	UBND cấp xã (Bộ phận Một cửa cấp xã)	2.000 đồng/trang; từ trang thứ 3 trở lên thu 1.000 đồng/trang, tối đa thu không quá 200.000 đồng/bản. Trang là căn cứ để thu phí được tính theo	<p>- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch.</p> <p>- Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ trưởng Bộ</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		chứng thực bản sao từ nhiều loại bản chính		trang của bản chính	<p>Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch.</p> <p>- Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực.</p>
07	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không ký, không điểm chỉ được)	giấy tờ, văn bản; bản chính có nhiều trang; yêu cầu số lượng nhiều bản sao; nội dung giấy tờ, văn bản phức tạp khó kiểm tra, đối chiếu mà cơ quan, tổ chức thực hiện chứng thực không thể đáp ứng được thời hạn quy định nêu trên thì thời hạn chứng thực được kéo dài thêm không quá 02 (hai) ngày làm việc hoặc có thể dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực.		10.000 đồng/trường hợp (trường hợp được tính là một hoặc nhiều chữ ký trong một giấy tờ, văn bản)	
08	Thủ tục chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo hoặc phải kéo dài thời gian theo quy định thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người		30.000 đồng/hợp đồng, giao dịch	
09	Thủ tục sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch			25.000 đồng/hợp đồng, giao dịch	
10	Thủ tục cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực			2.000 đồng/trang; từ trang thứ 3 trở lên thu 1.000 đồng/trang, tối đa thu không quá 200.000 đồng/bản. Trang là căn cứ để thu phí được tính theo	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		<p>yêu cầu chứng thực.</p> <p>Trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ. Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.</p>		trang của bản chính	
11	Thủ tục cấp bản sao từ sổ gốc	<p>Trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ.</p> <p>Trong trường hợp yêu cầu cấp bản sao từ sổ gốc được gửi qua bưu điện thì thời hạn được thực hiện ngay sau khi cơ quan, tổ chức nhận</p>	UBND cấp xã (Bộ phận Một cửa cấp xã)	Không	Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		đủ hồ sơ.			

Phụ lục II
QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC CHỨNG THỰC
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NGÃI
(Kèm theo Quyết định số ~~1878/ 257~~2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Lưu ý quy cách thực hiện và quy ước viết tắt trong quy trình:

- Khi chuyển hồ sơ giấy: Chuyển đầy đủ Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (*Mẫu số 01 - Quyết định số 1179/QĐ-UBND ngày 21/12/2018 của UBND tỉnh*); Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (*Mẫu số 04 - Quyết định số 1179/QĐ-UBND ngày 21/12/2018 của UBND tỉnh*) và kèm theo hồ sơ của công dân (trong quy trình viết gọn là “Hồ sơ”).

- Khi phân công xử lý hồ sơ, chuyển tiếp hồ sơ từ bộ phận này sang bộ phận khác xử lý: Phải ký, ghi rõ tên người phân công/người chuyển tiếp, người nhận trên Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu 04). Đồng thời, phải xử lý phân công/chuyển tiếp trên phần mềm điện tử, trùng khớp với Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu 04).

- *Xử lý việc đình giải quyết hồ sơ:*

+ Trường hợp giải quyết TTHC quá thời hạn quy định: Ban hành Thông báo xin lỗi và hẹn trả kết quả (*Mẫu số 06- Quyết định số 1179/QĐ-UBND ngày 21/12/2018 của UBND tỉnh*)

+ Trường hợp không đủ cơ sở để giải quyết theo quy định: Ban hành Thông báo trả hồ sơ không giải quyết (*Mẫu số 08 - Quyết định số 1179/QĐ-UBND ngày 21/12/2018 của UBND tỉnh*).

+ Việc ký ban hành thông báo Mẫu số 07, Mẫu số 08: Lãnh đạo cơ quan, đơn vị có thẩm quyền đang trực tiếp xử lý, thẩm định tại các bước của quy trình giải quyết các thủ tục

- *Quy ước viết tắt trong Quy trình giải quyết:*

+ Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả, viết tắt là: “Mẫu số 01”.

+ Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ, viết tắt là: “Mẫu số 04”.

+ Thông báo bổ sung, hoàn thiện lại hồ sơ, viết tắt là: “Mẫu số 07”.

+ Thông báo trả hồ sơ không giải quyết, viết tắt là: “Mẫu số 08”.

+ Thông báo xin lỗi và hẹn trả kết quả, viết tắt là “Mẫu số 06”

- + Các bước trong quy trình, viết tắt là: “B1, B2, B3...”.
- + Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã, viết tắt là: “Bộ phận Một cửa”.

1. Thủ tục chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất và nhà ở

Tổng thời gian giải quyết TTHC: Không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu chứng thực hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực.

Trường hợp kéo dài thời hạn giải quyết thì người tiếp nhận hồ sơ phải có Thông báo xin lỗi và hẹn trả kết quả (Mẫu số 06) ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.

Các bước thực hiện	Nội dung công việc	Đơn vị/người thực hiện	Thời gian thực hiện	Kết quả thực hiện
Bước 1: Nộp hồ sơ	Hướng dẫn, kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ.	Công chức Tư pháp - Hộ tịch tại bộ phận một cửa UBND cấp xã.	Trong giờ hành chính	- Mẫu số 1 - Mẫu số 4 - Hồ sơ
Bước 2: Xử lý hồ sơ	- Yêu cầu người tham gia hợp đồng giao dịch ký (hoặc điền chỉ) vào từng trang hợp đồng, giao dịch; - Ký vào từng trang của hợp đồng, giao dịch; - Soạn thảo lời chứng (bằng văn bản) chứng thực hợp đồng giao dịch và ký vào dưới lời chứng theo mẫu quy định. - Chuyển hồ sơ (bản giấy) để người có thẩm quyền xử lý.	Công chức Tư pháp - Hộ tịch	01 ngày làm việc	- Mẫu số 1 - Mẫu số 4 - Hồ sơ - Lời chứng (bằng văn bản) chứng thực hợp đồng, giao dịch
Bước 3: Phê duyệt hồ sơ	Xem xét ký chứng thực hợp đồng, giao dịch	Chủ tịch/Phó Chủ tịch UBND cấp xã được giao phụ trách lĩnh vực chứng thực	04 giờ làm việc	- Hồ sơ - Lời chứng (bằng văn bản) chứng thực hợp đồng, giao dịch.
Bước 4: Phát hành hồ sơ	Vào sổ, photo, đóng dấu chứng thực và lưu hồ sơ	Công chức Tư pháp - Hộ tịch	04 giờ làm việc	- Hồ sơ - Văn bản chứng thực hợp đồng, giao dịch.
Bước 5: Trả kết quả cho công dân	Trả kết quả cho công dân và thu phí, lệ phí (nếu có)	Công chức Tư pháp - Hộ tịch	Trong giờ hành chính	- Văn bản chứng thực hợp đồng giao dịch. - Mẫu số 4

2. Thủ tục chứng thực di chúc

Tổng thời gian giải quyết TTHC: Không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu chứng thực hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực.

Trường hợp kéo dài thời hạn giải quyết thì người tiếp nhận hồ sơ phải có Thông báo xin lỗi và hẹn trả kết quả (Mẫu số 06) ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.

Các bước thực hiện	Nội dung công việc	Đơn vị/người thực hiện	Thời gian thực hiện	Kết quả thực hiện
Bước 1: Nộp hồ sơ	Hướng dẫn, kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ.	Công chức Tư pháp – Hộ tịch tại bộ phận một cửa UBND cấp xã.	Trong giờ hành chính	- Mẫu số 1 - Mẫu số 4 - Hồ sơ
Bước 2: Xử lý hồ sơ	- Yêu cầu người lập di chúc ký (hoặc điểm chỉ) vào di chúc và từng trang của di chúc (di chúc có nhiều trang); - Ký vào từng trang của di chúc; - Soạn thảo lời chứng (bằng văn bản) chứng thực di chúc. - Chuyển hồ sơ (bản giấy) để người có thẩm quyền xử lý.	Công chức Tư pháp – Hộ tịch	01 ngày làm việc	- Mẫu số 1 - Mẫu số 4 - Hồ sơ - Lời chứng (bằng văn bản) chứng thực di chúc
Bước 3: Phê duyệt hồ sơ	Xem xét ký chứng thực di chúc	Chủ tịch/Phó Chủ tịch UBND cấp xã được giao phụ trách lĩnh vực chứng thực	04 giờ làm việc	- Mẫu số 1 - Mẫu số 4 - Hồ sơ - Lời chứng (bằng văn bản) chứng thực di chúc
Bước 4: Phát hành hồ sơ	Vào sổ, photo, đóng dấu chứng thực và lưu hồ sơ	Công chức Tư pháp – Hộ tịch	04 giờ làm việc	- Hồ sơ - Di chúc được chứng thực
Bước 5: Trả kết quả cho công dân	Trả kết quả cho công dân và thu phí, lệ phí (nếu có)	Công chức Tư pháp – Hộ tịch làm việc tại bộ phận một cửa UBND cấp xã	Trong giờ hành chính	- Di chúc được chứng thực; - Mẫu số 4.

3. Thủ tục chứng thực văn bản từ chối nhận di sản

Tổng thời gian giải quyết TTHC: Không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu chứng thực hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực.

Trường hợp kéo dài thời hạn giải quyết thì người tiếp nhận hồ sơ phải có Thông báo xin lỗi và hẹn trả kết quả (Mẫu số 06) ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.

Các bước thực hiện	Nội dung công việc	Đơn vị/người thực hiện	Thời gian thực hiện	Kết quả thực hiện
Bước 1: Nộp hồ sơ	Hướng dẫn, kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ.	Công chức Tư pháp – Hộ tịch tại bộ phận một cửa UBND cấp xã.	Trong giờ hành chính	- Mẫu số 1 - Mẫu số 4 - Hồ sơ
Bước 2: Xử lý hồ sơ	- Yêu cầu người từ chối nhận di sản (hoặc diêm chí) vào văn bản từ chối nhận di sản và từng trang của văn bản từ chối nhận di sản (văn bản có nhiều trang); - Ký vào từng trang của văn bản từ chối nhận di sản; - Soạn thảo lời chứng (bằng văn bản) chứng thực văn bản từ chối nhận di sản. - Chuyển hồ sơ (bản giấy) để người có thẩm quyền xử lý.	Công chức Tư pháp – Hộ tịch	01 ngày làm việc	- Mẫu số 1 - Mẫu số 4 - Hồ sơ - Lời chứng (bằng văn bản) chứng thực văn bản từ chối nhận di sản
Bước 3: Phê duyệt hồ sơ	Xem xét chứng thực văn bản từ chối nhận di sản	Chủ tịch/Phó Chủ tịch UBND cấp xã được giao phụ trách lĩnh vực chứng thực	04 giờ làm việc	- Mẫu số 1 - Mẫu số 4 - Hồ sơ - Lời chứng (bằng văn bản) chứng thực văn bản từ chối nhận di sản.
Bước 4: Phát hành hồ sơ	Vào sổ, photo, đóng dấu chứng thực và lưu hồ sơ	Công chức Tư pháp – Hộ tịch UBND cấp xã	04 giờ làm việc	- Hồ sơ - Văn bản chứng thực văn bản từ chối nhận di sản.

Bước 5: Trả kết quả cho công dân	Trả kết quả cho công dân và thu phí, lệ phí (nếu có)	Công chức Tư pháp – Hộ tịch làm việc tại bộ phận một cửa UBND cấp xã	Trong giờ hành chính	- Văn bản chứng thực văn bản từ chối nhận di sản; - Mẫu số 4
---	--	--	----------------------	---

4. Thủ tục chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở

Tổng thời gian giải quyết TTHC: Không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu chứng thực hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực.

Trường hợp kéo dài thời hạn giải quyết thì người tiếp nhận hồ sơ phải có Thông báo xin lỗi và hẹn trả kết quả (Mẫu số 06) ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.

Các bước thực hiện	Nội dung công việc	Đơn vị/người thực hiện	Thời gian thực hiện	Kết quả thực hiện
Bước 1: Nộp hồ sơ	Hướng dẫn, kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ.	Công chức Tư pháp – Hộ tịch tại bộ phận một cửa UBND cấp xã.	Trong giờ hành chính	- Mẫu số 1 - Mẫu số 4 - Hồ sơ
Bước 2: Xử lý hồ sơ	- Yêu cầu người tham gia giao dịch ký (hoặc điểm chỉ) vào văn bản thỏa thuận phân chia di sản và từng trang văn bản thỏa thuận phân chia di sản (nếu văn bản có nhiều trang) - Ký vào từng trang của văn bản thỏa thuận phân chia di sản; - Soạn thảo lời chứng (bằng văn bản) chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản và ký vào dưới lời chứng theo mẫu quy định. - Chuyển hồ sơ (bản giấy) để người có thẩm quyền xử lý.	Công chức Tư pháp – Hộ tịch	01 ngày làm việc	- Mẫu số 1 - Mẫu số 4 - Hồ sơ - Lời chứng (bằng văn bản) chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản
Bước 3: Phê duyệt hồ sơ	Xem xét ký chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản	Chủ tịch/Phó Chủ tịch UBND cấp xã được giao phụ trách lĩnh vực chứng thực	04 giờ làm việc	- Mẫu số 1 - Mẫu số 4 - Hồ sơ - Lời chứng (bằng văn bản) chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản.
Bước 4: Phát hành hồ sơ	Vào sổ, photo, đóng dấu chứng thực và lưu hồ sơ	Công chức Tư pháp – Hộ tịch	04 giờ làm việc	- Hồ sơ - Văn bản chứng thực văn

chứng thực				bản thỏa thuận phân chia di sản.
Bước 5: Trả kết quả cho công dân	Trả kết quả cho công dân và thu phí, lệ phí (nếu có)	Công chức Tư pháp - Hộ tịch	Trong giờ hành chính	- Văn bản chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản. - Mẫu số 4

5. Thủ tục chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở

Tổng thời gian giải quyết TTHC: Không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu chứng thực hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực.

Trường hợp kéo dài thời hạn giải quyết thì người tiếp nhận hồ sơ phải có Thông báo xin lỗi và hẹn trả kết quả (Mẫu số 06) ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.

Các bước thực hiện	Nội dung công việc	Đơn vị/người thực hiện	Thời gian thực hiện	Kết quả thực hiện
Bước 1: Nộp hồ sơ	Hướng dẫn, kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ.	Công chức Tư pháp – Hộ tịch tại bộ phận một cửa UBND cấp xã.	Trong giờ hành chính	- Mẫu số 1 - Mẫu số 4 - Hồ sơ
Bước 2; Xử lý hồ sơ	- Yêu cầu người khai nhận di sản ký (hoặc điểm chỉ) vào văn bản khai nhận di sản và từng trang văn bản khai nhận (nếu văn bản có nhiều trang); - Ký vào từng trang của văn bản khai nhận di sản; - Soạn thảo lời chứng (bằng văn bản) chứng thực văn bản khai nhận di sản và ký vào dưới lời chứng theo mẫu quy định. - Chuyển hồ sơ (bản giấy) để người có thẩm quyền xử lý.	Công chức Tư pháp – Hộ tịch	01 ngày làm việc	- Mẫu số 1 - Mẫu số 4 - Hồ sơ - Lời chứng (bằng văn bản) chứng thực văn bản khai nhận di sản
Bước 3: Phê duyệt hồ sơ	xem xét ký chứng thực văn bản khai nhận di sản	Chủ tịch/Phó Chủ tịch UBND cấp xã được giao phụ trách lĩnh vực chứng thực	04 giờ làm việc	- Mẫu số 1 - Mẫu số 4 - Hồ sơ - Lời chứng (bằng văn bản) chứng thực văn bản khai nhận di sản.
Bước 4: Phát hành hồ sơ	Vào sổ, photo, đóng dấu chứng thực và lưu hồ sơ	Công chức Tư pháp – Hộ tịch	04 giờ làm việc	- Hồ sơ - Văn bản chứng thực văn

				bản khai nhận di sản.
Bước 5: Trả kết quả cho công dân	Trả kết quả cho công dân và thu phí, lệ phí (nếu có)	Công chức Tư pháp – Hộ tịch	Trong giờ hành chính	- Văn bản chứng thực văn bản khai nhận di sản. - Mẫu số 4

6. Thủ tục chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận

Tổng thời gian giải quyết TTHC: Trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ.

Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo hoặc phải kéo dài thời gian theo quy định thì người tiếp nhận hồ sơ phải lập phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực (Mẫu số 1).

Các bước thực hiện	Nội dung công việc	Đơn vị/người thực hiện	Thời gian thực hiện	Kết quả thực hiện
Bước 1: Nộp hồ sơ	Hướng dẫn, kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ;	Công chức Tư pháp – Hộ tịch tại bộ phận một cửa UBND cấp xã.	Trong giờ hành chính	- Mẫu số 4 - Hồ sơ.
Bước 2: Xử lý hồ sơ	- Soạn thảo lời chứng (bằng văn bản) chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận. - Chuyển hồ sơ (bản giấy) để người có thẩm quyền xử lý.	Công chức Tư pháp – Hộ tịch	02 giờ làm việc	- Mẫu số 4 - Hồ sơ - Lời chứng (bằng văn bản) chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận.
Bước 3: Phê duyệt hồ sơ	Xem xét ký chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận	Chủ tịch/Phó Chủ tịch UBND cấp xã được giao phụ trách lĩnh vực chứng thực	01 giờ làm việc	- Mẫu số 4 - Hồ sơ - Lời chứng (bằng văn bản) chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận.
Bước 4: Phát hành hồ sơ	Vào sổ, photo, đóng dấu chứng thực và lưu hồ sơ	Công chức Tư pháp – Hộ tịch	01 giờ làm việc	- Hồ sơ - Văn bản chứng thực bản

				sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận.
Bước 5: Trả kết quả cho công dân	Trả kết quả cho công dân và thu phí, lệ phí (nếu có)	Công chức Tư pháp – Hộ tịch	Trong giờ hành chính	- Văn bản chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận. - Mẫu số 4

7. Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)

Tổng thời gian giải quyết TTHC: Trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ.

Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo hoặc phải kéo dài thời gian theo quy định thì người tiếp nhận hồ sơ phải lập phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực (Mẫu số 1).

Các bước thực hiện	Nội dung công việc	Đơn vị/người thực hiện	Thời gian thực hiện	Kết quả thực hiện
Bước 1: Nộp hồ sơ	Hướng dẫn, kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ.	Công chức Tư pháp – Hộ tịch tại bộ phận một cửa UBND cấp xã.	Trong giờ hành chính	- Mẫu số 4 - Hồ sơ.
Bước 2: Xử lý hồ sơ	- Soạn thảo lời chứng (bằng văn bản) chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được) và ký vào dưới lời chứng theo mẫu quy định. - Chuyển hồ sơ (bản giấy) để người có thẩm quyền xử lý.	Công chức Tư pháp – Hộ tịch	02 giờ làm việc	- Mẫu số 4 - Hồ sơ - Lời chứng (bằng văn bản) chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được).
Bước 3: Phê duyệt hồ sơ	Xem xét ký chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)	Chủ tịch/Phó Chủ tịch UBND cấp xã được giao phụ trách lĩnh vực chứng thực	01 giờ làm việc	- Mẫu số 4 - Hồ sơ - Lời chứng (bằng văn bản) chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể

				điểm chi được).
Bước 4: Phát hành hồ sơ	Vào sổ, photo, đóng dấu chứng thực và lưu hồ sơ	Công chức Tư pháp – Hộ tịch	01 giờ làm việc	- Hồ sơ - Văn bản chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chi và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chi được).
Bước 5: Trả kết quả cho công dân	Trả kết quả cho công dân và thu phí, lệ phí (nếu có)	Công chức Tư pháp – Hộ tịch	Trong giờ hành chính	- Văn bản chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chi và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chi được). - Mẫu số 4

8. Thủ tục chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch

Tổng thời gian giải quyết TTHC: Trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ.

Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo hoặc phải kéo dài thời gian theo quy định thì người tiếp nhận hồ sơ phải lập phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực (Mẫu số 1).

Các bước thực hiện	Nội dung công việc	Đơn vị/người thực hiện	Thời gian thực hiện	Kết quả thực hiện
Bước 1: Nộp hồ sơ	Hướng dẫn, kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ;	Công chức Tư pháp – Hộ tịch tại bộ phận một cửa UBND cấp xã.	Trong giờ hành chính	- Mẫu số 4 - Hồ sơ.
Bước 2: Xử lý hồ sơ	- Yêu cầu người tham gia hợp đồng giao dịch ký (hoặc điểm chỉ) vào hợp đồng, giao dịch và từng trang hợp đồng, giao dịch (nếu hợp đồng, giao dịch có nhiều trang); - Ký vào từng trang của hợp đồng, giao dịch; - Soạn thảo lời chứng (bằng văn bản) chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch và ký vào dưới lời chứng theo mẫu quy định; - Chuyển hồ sơ (bản giấy) để người có thẩm quyền xử lý.	Công chức Tư pháp – Hộ tịch	02 giờ làm việc	- Mẫu số 4 - Hồ sơ - Lời chứng (bằng văn bản) chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch.
Bước 3: Phê duyệt hồ sơ	Xem xét ký chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	Chủ tịch/Phó Chủ tịch UBND cấp xã được giao phụ trách lĩnh vực chứng thực	01 giờ làm việc	- Mẫu số 4 - Hồ sơ - Lời chứng (bằng văn bản) chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch.

Bước 4: Phát hành hồ sơ	Vào sổ, photo, đóng dấu chứng thực và lưu hồ sơ	Công chức Tư pháp – Hộ tịch	01 giờ làm việc	- Hồ sơ - Văn bản chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch.
Bước 5: Trả kết quả cho công dân	Trả kết quả cho công dân và thu phí, lệ phí (nếu có)	Công chức Tư pháp – Hộ tịch	Trong giờ hành chính	- Văn bản chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch. - Mẫu số 4

9. Thủ tục sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch

Tổng thời gian giải quyết TTHC: Trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ.

Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo hoặc phải kéo dài thời gian theo quy định thì người tiếp nhận hồ sơ phải lập phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực (Mẫu số 1).

Các bước thực hiện	Nội dung công việc	Đơn vị/người thực hiện	Thời gian thực hiện	Kết quả thực hiện
Bước 1: Nộp hồ sơ	Hướng dẫn, kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ.	Công chức Tư pháp – Hộ tịch tại bộ phận một cửa UBND cấp xã.	Trong giờ hành chính	- Mẫu số 4 - Hồ sơ.
Bước 2: Xử lý hồ sơ	- Thực hiện gạch chân lỗi sai sót cần sửa và ghi vào bên lề của hợp đồng, giao dịch nội dung đã sửa; - Chuyển hồ sơ (bản giấy) để người có thẩm quyền xử lý.	Công chức Tư pháp – Hộ tịch	02 giờ làm việc	- Mẫu số 4 - Hồ sơ - Hợp đồng giao dịch có lỗi sai sót cần sửa đã được công chức Tư pháp – Hộ tịch làm việc tại bộ phận một cửa UBND cấp xã gạch chân lỗi sai sót cần sửa và ghi vào bên lề của hợp đồng, giao dịch nội dung đã sửa.
Bước 3: Phê duyệt hồ sơ	Xem xét ký chứng thực việc sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch	Chủ tịch/Phó Chủ tịch UBND cấp xã được giao phụ trách lĩnh vực chứng thực	01 giờ làm việc	- Mẫu số 4 - Hồ sơ - Hợp đồng giao dịch có lỗi sai sót cần sửa đã được công chức Tư pháp – Hộ tịch làm việc tại bộ phận một cửa UBND cấp xã gạch chân lỗi sai sót cần sửa và ghi vào bên lề của hợp đồng, giao dịch nội dung đã sửa.

Bước 4: Phát hành hồ sơ	Vào sổ, photo, đóng dấu chứng thực và lưu hồ sơ	Công chức Tư pháp – Hộ tịch	01 giờ làm việc	<ul style="list-style-type: none"> - Hồ sơ - Hợp đồng giao dịch có lỗi sai sót cần sửa đã được gạch chân lỗi sai sót cần sửa; ghi vào bên lề của hợp đồng, giao dịch nội dung đã sửa; được người có thẩm quyền chứng thực ký chứng thực nội dung sửa lỗi sai sót và đóng dấu.
Bước 5: Trả kết quả cho công dân	Trả kết quả cho công dân và thu phí, lệ phí (nếu có)	Công chức Tư pháp – Hộ tịch	Trong giờ hành chính	<ul style="list-style-type: none"> - Hợp đồng giao dịch có lỗi sai sót cần sửa đã được gạch chân lỗi sai sót cần sửa; ghi vào bên lề của hợp đồng, giao dịch nội dung đã sửa; được người có thẩm quyền chứng thực ký chứng thực nội dung sửa lỗi sai sót và đóng dấu. - Mẫu số 4

10. Thủ tục cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực

Tổng thời gian giải quyết TTHC: Trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ.

Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo hoặc phải kéo dài thời gian theo quy định thì người tiếp nhận hồ sơ phải lập phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực (Mẫu số 1).

Các bước thực hiện	Nội dung công việc	Đơn vị/người thực hiện	Thời gian thực hiện	Kết quả thực hiện
Bước 1: Nộp hồ sơ	- Hướng dẫn, kiểm tra và tiếp nhận hồ sơ;	Công chức Tư pháp – Hộ tịch tại bộ phận một cửa UBND cấp xã	Trong giờ hành chính	- Mẫu số 4 - Hồ sơ.
Bước 2: Xử lý hồ sơ	- Photo hợp đồng, giao dịch đã được công chứng và soạn thảo lời chứng (bằng văn bản) chứng thực bản sao từ bản chính hợp đồng, giao dịch. - Chuyển hồ sơ (bản giấy) để người có thẩm quyền xử lý.	Công chức Tư pháp – Hộ tịch	02 giờ làm việc	- Mẫu số 1 - Mẫu số 4 - Hồ sơ - Lời chứng (bằng văn bản) chứng thực bản sao từ bản chính hợp đồng, giao dịch
Bước 3: Phê duyệt hồ sơ	Xem xét ký chứng thực bản sao từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được giao dịch	Chủ tịch/ Phó Chủ tịch UBND cấp xã được giao phụ trách lĩnh vực chứng thực	01 giờ làm việc	- Mẫu số 1 - Mẫu số 4 - Hồ sơ - Lời chứng (bằng văn bản) chứng thực bản sao từ bản chính hợp đồng, giao dịch.
Bước 4: Phát hành hồ sơ	Vào sổ, photo, đóng dấu chứng thực và lưu hồ sơ	Công chức Tư pháp – Hộ tịch	01 giờ làm việc	- Hồ sơ - Bản sao hợp đồng, giao dịch được chứng thực.
Bước 5: Trả kết quả cho công dân	Trả kết quả cho công dân và thu phí, lệ phí (nếu có)	Công chức Tư pháp – Hộ tịch	Trong giờ hành chính	- Bản sao hợp đồng, giao dịch được chứng thực. - Mẫu số 4

11. Thủ tục cấp bản sao từ sổ gốc

Tổng thời gian giải quyết TTHC: Trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ.

Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo hoặc phải kéo dài thời gian theo quy định thì người tiếp nhận hồ sơ phải lập phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực (Mẫu số 1).

Sơ đồ các bước thực hiện	Nội dung công việc	Đơn vị/người thực hiện	Thời gian thực hiện	Kết quả thực hiện
Bước 1: Nộp hồ sơ	Hướng dẫn, kiểm tra và tiếp nhận hồ sơ.	Công chức làm việc tại bộ phận một cửa thuộc UBND cấp xã	Trong giờ hành chính	- Mẫu số 4 - Hồ sơ
Bước 2: Xử lý hồ sơ	Chuyển hồ sơ (bản giấy) để người có thẩm quyền của cơ quan, đơn vị xử lý	Công chức làm việc tại bộ phận một cửa thuộc các lĩnh vực của UBND cấp xã	02 giờ làm việc	- Mẫu số 4 - Hồ sơ.
Bước 3: Phê duyệt hồ sơ	Chỉ đạo công chức phụ trách lĩnh vực thuộc UBND cấp xã căn cứ vào sổ gốc để cấp bản sao cho người yêu cầu.	Chủ tịch/ Phó Chủ tịch UBND cấp xã được ủy quyền	01 giờ làm việc	- Hồ sơ - Bản sao văn bản, giấy tờ từ sổ gốc.
Bước 4: Phát hành hồ sơ	Vào sổ, đóng dấu và lưu hồ sơ	Công chức bộ phận phụ trách lĩnh vực thuộc UBND cấp xã	01 giờ làm việc	- Hồ sơ - Bản sao văn bản, giấy tờ từ sổ gốc.
Bước 5: Chuyển trả kết quả cho công dân	Trả kết quả cho công dân và thu phí, lệ phí (nếu có)	Công chức làm việc tại bộ phận một cửa thuộc UBND cấp xã	Trong giờ hành chính	- Bản sao văn bản, giấy tờ từ sổ gốc. - Mẫu số 4